

**PHỤ LỤC B: BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC KINH NGHIỆM NHÀ CUNG CẤP**

**APPENDIX B: SUPPLIER QUALIFICATION AND EXPERIENCE EVALUATION CRITERIA**

**I. Các tiêu chí bắt buộc (Không cung cấp được mà không có lý do phù hợp thì loại)/ *Mandatory Criteria (Failure to provide without a valid reason will result in disqualification)***

| <b>Stt./ No.</b> | <b>Tiêu chí đánh giá<br/><i>Evaluation criteria</i></b>                                                                                                                                                                                                     | <b>Mô tả &amp; Hướng dẫn đánh giá<br/><i>Description &amp; Evaluation Guidelines</i></b>                                                                               | <b>Đánh giá<br/><i>Evaluation</i></b> |
|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|
| 1                | Giấy phép đăng ký kinh doanh (GPKD)<br><i>Enterprise Registration Certificate (ERC)</i>                                                                                                                                                                     | Bắt buộc nộp, nếu thiếu không có lý do phù hợp là không hợp lệ<br><br><i>Mandatory submission: absence without a valid reason will render the application invalid.</i> | Đạt/Không đạt<br><i>Pass / Fail</i>   |
| 2                | Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng và chứng chỉ hành nghề đối với cá nhân phụ trách công trình (giám sát, chỉ huy trưởng,...)/ <i>Certificate of construction activity capacity and practicing certificates for individuals in charge of the project</i> | Bắt buộc nộp, nếu thiếu không có lý do phù hợp là không hợp lệ<br><br><i>Mandatory submission: absence without a valid reason will render the application invalid.</i> | Đạt/Không đạt<br><i>Pass / Fail</i>   |
| 3                | Nội quy lao động hoặc tài liệu tương đương<br><i>Labor Regulations or Equivalent Document</i>                                                                                                                                                               | Bắt buộc nộp, nếu thiếu không có lý do phù hợp là không hợp lệ<br><br><i>Mandatory submission: absence without a valid reason will render the application invalid.</i> | Đạt/Không đạt<br><i>Pass / Fail</i>   |
| 4                | Biểu mẫu Due Diligence đã điền, ký và đóng dấu<br><i>Duly Filled, Signed, and Stamped Due Diligence Form</i>                                                                                                                                                | Bắt buộc nộp, nếu thiếu không có lý do phù hợp là không hợp lệ<br><br><i>Mandatory submission: absence without a valid reason will render the application invalid.</i> | Đạt/Không đạt<br><i>Pass / Fail</i>   |

**II. Evaluation Criteria (Maximum Score: 100 – Pass if ≥ 70 points)**

| Stt./<br>No. | Tiêu chí đánh giá<br><i>Evaluation criteria</i>                                                                                               | Mô tả & Hướng dẫn đánh giá<br><i>Description &amp; Evaluation Guidelines</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Điểm<br><i>Score</i> |
|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
| 1            | Thư quan tâm có chữ ký giám đốc và đóng dấu<br><i>Letter of Interest signed by the Director and stamped with the company seal</i>             | Có đầy đủ thông tin, ký đóng dấu: 5 điểm;<br>Không nộp thư quan tâm hoặc thiếu thông tin: 0 điểm<br><i>Complete information with signature and stamp: 5 points;</i><br><i>No submission of letter of interest or incomplete information: 0 points</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5                    |
| 2            | Sơ đồ tổ chức, giới thiệu chuyên gia chủ chốt<br><i>Organizational Chart and Introduction of Key Experts</i>                                  | Sơ đồ tổ chức rõ ràng, giới thiệu chi tiết, có chuyên gia chủ chốt có chuyên môn phù hợp,: 9-10 điểm;<br>Sơ đồ sơ sài hoặc giới thiệu chưa rõ ràng, không thể hiện rõ chuyên gia chủ chốt:5-8 điểm<br>Thiếu sơ đồ hoặc thông tin không đầy đủ: 2-4 điểm;<br>Không có: 0 điểm<br><i>Clear organizational chart with detailed introduction and key experts having relevant expertise: 9–10 points</i><br><i>Basic chart or unclear introduction, key experts not clearly identified: 5–8 points</i><br><i>Chart missing or incomplete information: 2–4 points</i><br><i>Not provided: 0 points</i> | 10                   |
| 3            | Dự án tương tự đã thực hiện<br><i>Similar Projects Completed</i>                                                                              | Có ≥3 dự án tương tự: 15 điểm; 1–2 dự án: 10 điểm; không có: 0 điểm.<br><i>3 or more similar projects: 15 points</i><br><i>1–2 similar projects: 10 points</i><br><i>None: 0 points</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 15                   |
| 4            | Bản sao hợp đồng các dự án tương tự<br><i>Copies of Contracts for Similar Projects</i>                                                        | Nộp từ 3 hợp đồng dự án tương tự trở lên: 15 điểm<br>Nộp từ 1 đến 2 hợp đồng dự án tương tự: 10 điểm<br>Không nộp: 0 điểm<br><i>Submission of 3 or more similar project contracts: 15 points</i><br><i>Submission of 1–2 similar project contracts: 10 points</i><br><i>No submission: 0 points</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 15                   |
| 5            | Báo cáo tài chính và thuế 1-3 năm gần nhất (năm gần nhất là 2024)<br><i>Financial Statements and Tax Declarations for the Most Recent 1–3</i> | Có đầy đủ báo cáo tài chính và tờ khai thuế của 3 năm (2022, 2023, 2024): 15 điểm<br>Có đủ 2 năm (2023 và 2024 hoặc 2022 và 2023): 10 điểm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 20                   |

|                         |                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |            |
|-------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|                         | Years (latest year is 2024)                                                                                                                                                       | <p>Chỉ có 1 năm (2024 hoặc năm khác): 5 điểm</p> <p>Không nộp: 0 điểm</p> <p>Báo cáo tài chính và thuế đã được kiểm toán sẽ được cộng thêm 5 điểm</p> <p><i>Submission of documents for all 3 years (2022, 2023, 2024): 15 points</i></p> <p><i>Submission for 2 years: 10 points</i></p> <p><i>Submission for 1 year: 5 points</i></p> <p><i>No submission: 0 points</i></p> <p><i>Audited financial and tax reports will be awarded an additional 5 points.</i></p>                                                                                                                                                                                                         |            |
| 6                       | <p>Kinh nghiệm thi công cải tạo văn phòng, thẩm mỹ, tiến độ</p> <p><i>Experience in Office Renovation Projects, Ensuring Aesthetic Quality and Timely Completion</i></p>          | <p>Mô tả chi tiết, có ảnh công trình rõ ràng, thể hiện tính thẩm mỹ, tiến độ tốt: 11-15 điểm;</p> <p>Mô tả bình thường, thiếu ảnh hoặc ảnh không rõ nét: 6-10 điểm;</p> <p>Mô tả sơ sài hoặc không thể hiện rõ: 1-5 điểm</p> <p>Không có: 0 điểm</p> <p><i>Detailed description with clear project images, demonstrating aesthetic quality and good project timeline: 11–15 points</i></p> <p><i>Average description, missing images or unclear images: 6–10 points</i></p> <p><i>Incomplete or vague description, lacking clarity on aesthetics or timeline: 1–5 points</i></p> <p><i>No information provided: 0 points</i></p>                                              | 15         |
| 7                       | <p>Hiểu bản vẽ sơ bộ, phương pháp tiếp cận và các yêu cầu của bản vẽ cập nhật</p> <p><i>Understanding of Preliminary Drawings, Approach, and Updated Drawing Requirements</i></p> | <p>Sẽ đánh giá thêm qua buổi phỏng vấn để đánh giá mức độ hiểu rõ về yêu cầu và cách thức thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Nắm bắt đúng yêu cầu: 8 điểm</li> <li>– Phương pháp thực hiện rõ ràng, khả thi: 8 điểm</li> <li>– Đưa ra ý tưởng cải tiến, sáng tạo: 4 điểm</li> </ul> <p><i>Additional evaluation through interview to assess understanding of requirements and implementation approach.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– <i>Clear understanding of requirements: 8 points</i></li> <li>– <i>Clear and feasible implementation approach: 8 points</i></li> <li>– <i>Innovative and creative ideas: 4 points</i></li> </ul> | 20         |
| <b>Tổng điểm/ Total</b> |                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | <b>100</b> |

